



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 03/05/2017)

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 022.2382.4369

Fax: 022.2382.2708

Website: <http://nuocsachbacninh.vn>

Bắc Ninh, tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
I. NỘI DUNG	5
1. Thông tin khái quát:	5
2. Quá trình hình thành và phát triển:	5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty	6
3.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty:	6
3.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
4.1 Mô hình quản trị Công ty:	6
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:	8
4.3 Các công ty con, công ty liên kết:	14
5. Định hướng phát triển	15
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:	15
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:	15
5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng).....	16
6. Các rủi ro	16
6.1 Rủi ro kinh tế:	16
6.2 Rủi ro về lạm phát:	16
6.3 Rủi ro luật pháp:	16
6.4 Rủi ro đặc thù ngành.....	16
6.5 Rủi ro khác:.....	17
II. Tình hình hoạt động trong năm	17
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	17
1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:	17
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:	17
2. Tổ chức và nhân sự:	18
2.1 Danh sách ban điều hành:.....	18
2.2 Những thay đổi ban điều hành:.....	22
2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:	22
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	24
3.1 Các khoản đầu tư lớn:	24
3.2 Các công ty con, công ty liên kết:	24
4. Tình hình tài chính	24
4.1 Tình hình tài chính:.....	24
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	24
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	25
5.1 Cổ phần:.....	25
5.2 Cơ cấu cổ đông:	25
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	26
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:.....	26
5.5 Các chứng khoán khác:.....	26
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	26
6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:.....	26
6.2 Tiêu thụ năng lượng:.....	26
6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).....	26
6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:.....	26

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:	27
6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	27
6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:	27
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).....	27
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	28
2. Tình hình tài chính	28
2.1 Tình hình tài sản:	28
2.2 Tình hình nợ phải trả:	29
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	30
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	30
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:	31
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	31
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)	31
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	31
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	32
2.1 Những việc đã làm được:.....	32
2.2 Những hạn chế cần khắc phục:.....	32
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	32
V. Quản trị công ty	33
1. Hội đồng quản trị	33
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:.....	33
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:.....	33
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	33
1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:.....	33
1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:	33
2. Ban Kiểm soát.....	34
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:	34
2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:	34
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	34
3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:.....	34
3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.....	35
3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:.....	35
3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:	35
VI. Báo cáo tài chính.....	35
1. Ý kiến kiểm toán	35
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	36

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

QĐ:	Quyết định
UBND:	Ủy ban nhân dân
MTV:	Một thành viên
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
DTT:	Doanh thu thuần
TSCĐ:	Tài sản cố định
BCTC:	Báo cáo tài chính
HĐQT:	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CMND:	Chứng minh nhân dân
CTCP:	Công ty cổ phần
KH-KT:	Kế hoạch - Kỹ thuật
QLDA:	Quản lý dự án
BQ:	Bình quân

I. NỘI DUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh**
- Tên tiếng Anh: Bac Ninh Clean water Joint Stock Company
- Tên viết tắt: BANIWACO
- Trụ sở chính: Số 57 Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Điện thoại: 02223824369
- Fax: 02223822708
- Website: <http://nuocsachbacninh.vn>
- Vốn điều lệ đăng ký: 375.493.910.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng*)
- Vốn điều lệ thực góp: 375.493.910.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng*)
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hữu Tân – Tổng Giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2300108311 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 03/05/2017
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh nước sạch; xây dựng các công trình cấp thoát nước.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh là Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh được thành lập theo Quyết định số 12/UB ngày 17/1/1997 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch; xây lắp hệ thống cấp thoát nước, điện cao hạ thế, nhà dân dụng và công nghiệp.

Ngày 11/12/2006, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 1063/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh với 100% vốn nhà nước.

Ngày 03/12/2015, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh. Đến ngày 21/10/2016, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 1302/QĐ-UBND về việc phê duyệt lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh

Ngày 22/02/2017, Công ty chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 18/04/2017, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để chuyển đổi mô hình từ công ty TNHH MTV sang mô hình Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh thành lập theo Giấy chứng nhận 2300108311 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 03/05/2017.

Ngày 21/12/2018, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 815/QĐ-SGDHN ngày 21/12/2018 về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh với mã chứng khoán là BNW. Số lượng chứng khoán đăng

ký giao dịch: 37.549.391 cổ phiếu). Ngày 28/12/2018, Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trải qua hơn 20 năm phát triển và trưởng thành, Công ty là đơn vị chính có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và nhận được nhiều bằng khen UBND tỉnh Bắc Ninh, bộ Xây dựng tặng nhiều bằng khen. Năm 2007, tập thể Công ty được Chính phủ tặng Cờ thi đua theo Quyết định số 724/QĐ-TTg. Năm 2015, Công ty được UBND tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2010 – 2015 tại Đại hội thi đua yêu nước của tỉnh Bắc Ninh. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2016 theo Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 08/11/2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

3.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Sản xuất và kinh doanh nước sạch, xây dựng các công trình cấp thoát nước, hệ thống điện hạ thế đến 35KV, xây dựng nhà dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng đô thị, kênh mương, trạm bơm, đường giao thông nông thôn; Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp. Sản xuất và cung cấp nước sạch cho các

3.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:

Hiện nay Công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ địa bàn thuộc thành phố Bắc Ninh và các thị trấn huyện lỵ thuộc tỉnh Bắc Ninh và các vùng phụ cận, bao gồm:

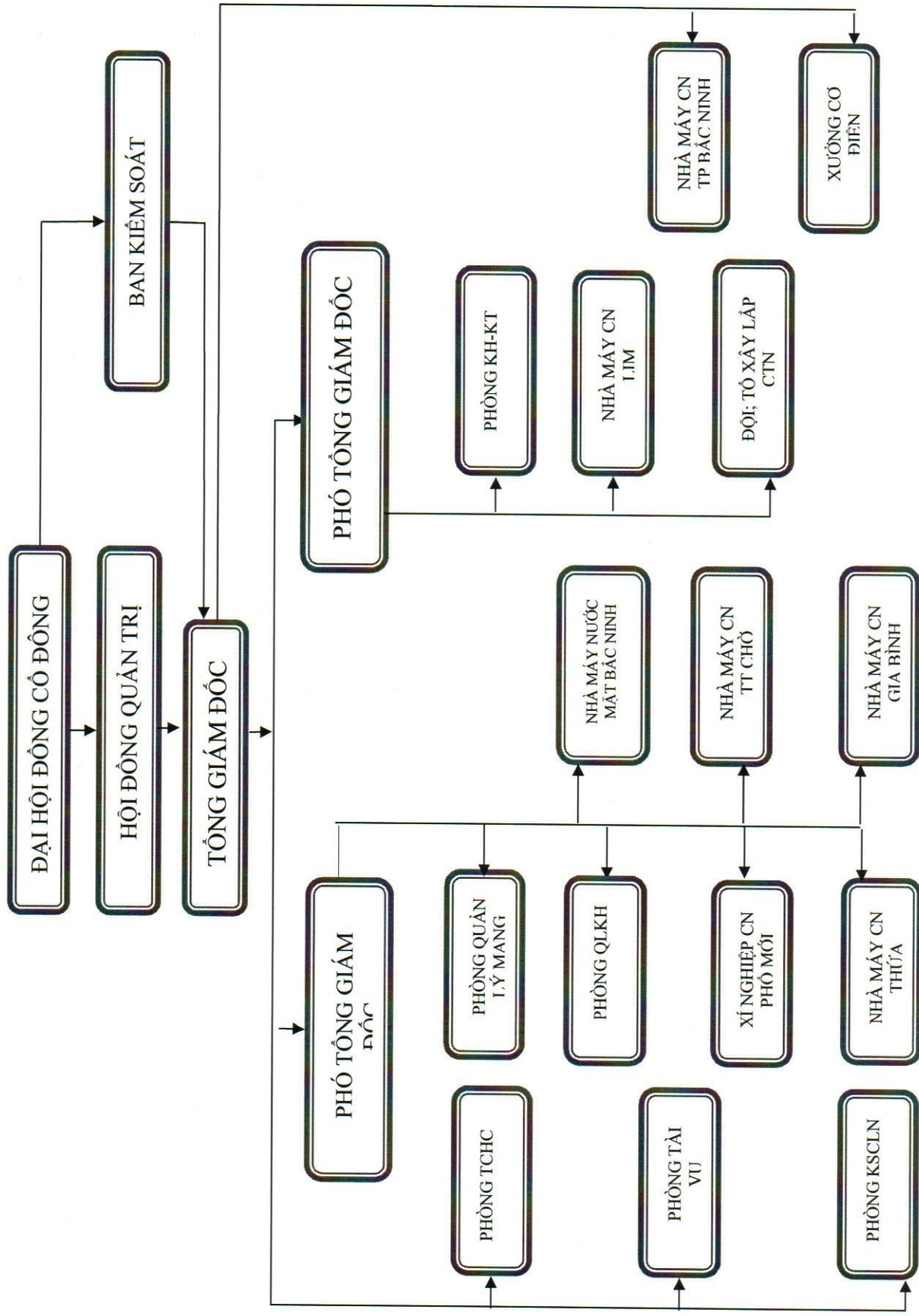
- Thành phố Bắc Ninh
- Thị trấn Phố Mới, huyện Yên Phong
- Thị trấn Thứa, huyện Lương Tài
- Thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình
- Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong
- Thị trấn Lim, huyện Tiên Du (Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh đang thuê vận hành).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị Công ty:

Hiện tại, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

• Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

• Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên (trong đó bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên) với nhiệm kỳ 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

• Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban

kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát gồm 3(ba) thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam; nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ để báo cáo và đề xuất với Công ty.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

• **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 03 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc, thực hiện các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Đề xuất Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh quản lý trong công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị
- Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc được Tổng giám đốc phân công và ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy quyền. Phó Tổng giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.

- **Các Phòng, Ban, Chi nhánh và Các đơn vị trực thuộc của Công ty:**

Các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do bộ phận mình phụ trách, cụ thể:

Các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do bộ phận mình phụ trách, cụ thể:

- **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật:**

- + Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các công tác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- + Kiểm tra và hoàn tất các thủ tục về đầu tư XDCB đối với các dự án của Công ty, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án đầu tư theo quy định của nhà nước và pháp luật

- + Tổ chức kiểm tra chất lượng hồ sơ và chất lượng thi công xây lắp các công trình do Công ty thi công hoặc làm chủ đầu tư; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc công ty về trình tự thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- + Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong việc tổ chức thành lập Ban QLDA, xây dựng quy chế hoạt động của Ban QLDA trình lãnh đạo Công ty duyệt

- + Kiểm soát việc thực hiện các hợp đồng xây lắp, tư vấn có liên quan của Công ty:

- + Tổ chức và kiểm soát thiết kế, lập dự toán chi tiết, lập tổng dự toán các dự án, công trình do công ty đầu tư

- + Theo dõi, kiểm tra các hoạt động thi công xây lắp trên công trường, xem xét hỗ trợ về kỹ thuật và hồ sơ thủ tục nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình

- + Tham mưu giúp việc cho lãnh đạo quản lý và kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, thiết kế, các tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành và các điều khoản đã ký kết với đối tác

- + Thực hiện các nhiệm vụ khác về lĩnh vực kế hoạch - kỹ thuật theo sự phân công của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- **Phòng Quản lý mạng:**

- + Quản lý vận hành hệ thống cấp nước thuộc phạm vi công ty trên toàn thành phố Bắc Ninh

- + Chống thất thoát nước làm giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- + Sửa chữa, bảo dưỡng đường ống cấp nước và các thiết bị trên mạng đến cụm đồng hồ của khách hàng, bảo dưỡng sửa chữa đồng hồ đo nước.

- + Kiểm tra hệ thống cấp nước hàng ngày, cập nhật các thông tin liên quan đến hệ thống cấp nước.

- + Lập phương án và thực hiện việc phân vùng tách mạng, lắp đặt đồng hồ tổng, theo dõi đánh giá thất thoát lập biện pháp khắc phục.

- + Xử lý khắc phục kịp thời các sự cố, các đề nghị của khách hàng liên quan đến hệ thống cấp nước.

- + Kiểm tra phát hiện đề xuất xử lý các vi phạm hệ thống cấp nước và sử dụng nước máy tại các đô thị tỉnh Bắc Ninh, các vi phạm nghị định 117/NĐ-CP về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch, các vi phạm hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch.

- + Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống mạng cấp nước

+ Vận hành mạng lưới điều phối lưu lượng và áp lực giữa các khu vực đảm bảo yêu cầu cấp nước cho khách hàng.

- **Phòng Quản lý khách hàng:**

+ Quản lý, hướng dẫn và phát triển khách hàng trên địa bàn thị xã Bắc Ninh và các vùng lân cận tuân theo QĐ số 118/2001/QĐ - UB ngày 6/12/2001 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc quản lý hệ thống cấp nước và sử dụng nước máy tại các đô thị tỉnh Bắc Ninh, các qui chế, quy định của Công ty và pháp luật nhà nước.

+ Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước và thoát nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh do Công ty cung cấp

+ Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty

+ Lập và trình Lãnh đạo Công ty ký đơn xin lắp nước; hợp đồng, tạm ngừng hợp đồng và thanh lý hợp đồng cung cấp sử dụng nước sạch.

+ Phối hợp tốt các cộng tác viên Phường xã để thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng, Công ty.

+ Thông tin, tuyên truyền và chăm sóc khách hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp sử dụng nước sạch.

+ Sửa chữa bảo dưỡng từ đai (tê) khởi thủy đến van một chiều sau đồng hồ của khách hàng.

+ Bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra và thay thế đồng hồ đo nước thuộc phạm vi công ty quản lý.

- **Phòng Tài vụ:**

+ Tổ chức công tác kế toán để quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại Công ty theo qui định của Nhà nước. Chỉ đạo nghiệp vụ, kiểm tra giám sát tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị trực thuộc;

+ Tham mưu cho giám đốc các vấn đề về tài chính của công ty.

+ Đề xuất phương án sử dụng vốn có hiệu quả.

+ Thực hiện việc thu chi và phát hành hoá đơn tài chính theo quy định.

+ Tham gia nghiệm thu nội bộ các hạng mục công trình của Công ty.

+ Quản lý tài sản, kho, quỹ của Công ty.

+ Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ sách kế toán thực hiện việc ghi chép, theo dõi đầy đủ, chính xác toàn bộ tài sản, tiền vốn Công ty đang quản lý và sử dụng theo đúng quy định chế độ kế toán hiện hành. Quản lý, lưu trữ, sử dụng, cung cấp thông tin, tài liệu kế toán theo quy định của pháp luật;

+ Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm tra, giám sát tình hình thu chi tài chính, công nợ, quản lý và sử dụng tài sản, vật tư, nguồn vốn của các đơn vị, phòng ban trực thuộc Công ty;

+ Thực hiện và đánh giá việc thực hiện kế hoạch tài chính; Tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Công ty.

- **Phòng Tổ chức – Hành chính:**

+ Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc về các lĩnh vực tổng hợp, điều phối hoạt động toàn bộ lĩnh vực công tác tổ chức, hành chính của cơ quan, đơn vị theo chương trình

kế hoạch công tác của Công ty, thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, hành chính, tiền lương, quản trị, văn thư, lưu trữ, bảo vệ.

+ Làm đầu mối, chủ trì việc đề xuất các phương án quy hoạch, xây dựng, kiện toàn và phát triển bộ máy, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức trong Công ty. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện công tác xây dựng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ.

+ Tham mưu đề Giám đốc quyết định về các tiêu chí, tiêu chuẩn và triển khai thực hiện quy trình đánh giá cán bộ hằng năm; tổ chức và quản lý công tác thi đua khen thưởng trong Công ty. Chủ trì việc tổ chức đánh giá, xét duyệt nâng bậc lương, phụ cấp, xét đề nghị kéo dài thời gian công tác đối với cán bộ theo quy định trình Giám đốc quyết định.

+ Quản lý, điều hành phương tiện giao thông vận tải của Công ty phục vụ các chuyến đi công tác của Lãnh đạo, các đơn vị theo quy định của Công ty.

+ Theo dõi tổng hợp và tham mưu đề xuất các khóa đào tạo cho CBCNV; làm đầu mối việc kiểm tra chuyên môn định kỳ và đột xuất của Công ty.

+ Thực hiện các công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty

- **Phòng Kiểm soát chất lượng nước:**

+ Kiểm soát chất lượng nước của các nhà máy cấp nước thuộc công ty bao gồm nhà máy nước Bắc Ninh, nhà máy nước Chờ, nhà máy nước Phố Mới, Thửa, Gia Bình và nhà máy nước Lim

+ Kiểm tra chất lượng nước từ nguồn đầu vào, sự biến đổi chất lượng tại các khâu của dây chuyền xử lý và chất lượng nước sau xử lý

+ Đối chiếu các chỉ số đầu ra đầu vào của dây chuyền xử lý nước với các tiêu chuẩn hiện hành phục vụ công tác ra các quyết định liên quan đến vận hành các dây truyền xử lý cũng như thông tin đối ngoại

+ Kiểm soát chất lượng nước của các nhà máy cô phần cấp nước vào hệ thống phân phối nước của công ty

+ Tham mưu với lãnh đạo công ty và các nhà máy trong việc định lượng hóa chất sử dụng cho sản xuất

+ Tham mưu và đề xuất phương án giải quyết sự cố các nhà máy khi xảy ra về vấn đề chất lượng nước cấp cho sinh hoạt, nước thải sau xử lý

+ Quản lý và thực hiện các thủ tục về môi trường, quản lý xả thải các Nhà máy nước. Theo dõi và thực hiện các thủ tục xin cấp các giấy phép môi trường của các nhà máy nước thuộc Công ty.

+ Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng Bắc Ninh kiểm tra mẫu nước tại Nhà máy và dưới mạng phân phối.

+ Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

- **Xưởng cơ điện**

+ Xưởng cơ điện có chức năng quản lý điều hành và đảm bảo hoạt động của các thiết bị cơ điện trong phạm vi toàn Công ty.

+ Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên tại tất cả các giếng, các trạm biến áp và toàn bộ tuyến ống nước thô

+ Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị cơ điện trong phạm vi toàn Công ty theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất và thực tế sử dụng, trước tiên phục vụ Nhà máy nước Bắc Ninh, tiếp theo là các Nhà máy cấp nước khác

+ Xây dựng và lưu giữ Hồ sơ kỹ thuật của các thiết bị cơ điện, lập Lý lịch theo dõi quá trình bảo dưỡng sửa chữa của mỗi thiết bị

+ Thiết kế, gia công và lắp đặt các chi tiết, cụm chi tiết, kết cấu, ... theo yêu cầu của các Nhà máy trong Công ty hoặc của Khách hàng bên ngoài Công ty

+ Nghiên cứu và đề xuất với Lãnh đạo công ty cải tiến các thiết bị cơ điện hiện có theo hướng tăng hiệu quả sử dụng, giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu và kéo dài tuổi thọ thiết bị

+ Định kỳ kiểm tra thông số hoạt động của các thiết bị, đánh giá tình trạng kỹ thuật thiết bị để lên kế hoạch, phương án bảo dưỡng sửa chữa kịp thời

- **Xí nghiệp cấp nước thị trấn Phố Mới:**

+ Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Phố Mới và các vùng phụ cận

+ Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước

+ Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty

+ Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất

- **Nhà máy cấp nước thị trấn Thửa:**

+ Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Thửa - Lương Tài và các vùng phụ cận

+ Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước

+ Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty

+ Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất

- **Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ:**

+ Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Chờ - huyện Yên Phong và các vùng phụ cận

+ Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước

+ Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty

+ Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất

- **Nhà máy cấp nước thị trấn Gia Bình:**

+ Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Gia Bình - huyện Gia Bình và các vùng phụ cận

+ Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước

- + Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty
- + Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất
- **Nhà máy cấp nước thành phố Bắc Ninh:**
 - + Tổ chức khai thác và sản xuất nước theo kế hoạch công ty giao đảm bảo sản xuất 24/24h, đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Y tế
 - + Quản lý và vận hành khu khai thác giếng khoan.
 - + Quản lý và vận hành các thiết bị máy móc khu xử lý.
 - + Quản lý và vận hành sản xuất khu giếng, tuyến ống nước thô, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị máy móc khu xử lý và khu giếng khoan.
 - + Giám sát chất lượng nước hằng ngày sản xuất.
- **Nhà máy cấp nước thị trấn Lim:**
 - + Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Lim - huyện Tiên Du và các vùng phụ cận
 - + Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước
 - + Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty
 - + Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất
 - + Tham mưu đề xuất xây dựng các đề án bảo vệ môi trường, cải tạo nâng cấp các dự án khác như: điện, nước trong toàn công ty.
- **Đội, tổ xây lắp cấp thoát nước**
 - + Tổ chức khảo sát, phát triển khách hàng tại các Nhà máy cấp nước
 - + Khảo sát thiết kế hệ thống cấp nước nhà dân, cơ quan.
 - + Thi công các công trình cấp thoát nước của Công ty và bên ngoài.
 - + Đội tổ chức thi công, thanh quyết toán vật tư, nhân công với Công ty.
 - + Thi công lắp đặt đường ống cấp nước cho các khách hàng dùng nước của Công ty và các tuyến ống cấp 3, các hộ nhà dân, cơ quan, tuyến ống cấp nước các khu vực trong địa bàn thành phố Bắc Ninh và toàn bộ các nhà máy cấp nước thuộc phạm vi quản lý của nhà máy.
 - + Đội hạch toán các chi phí của đội theo đúng quy định của pháp luật hiện hành

4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

- Các công ty con: Không có.
- Các công ty liên kết:
 - Tên Công ty: Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh
 - Địa chỉ: 98 đường Võ Thị Sáu, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: 02413.857952
 - Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2300538988 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 26/03/2010. Giảm vốn điều lệ xuống còn 8.000.000.000 đồng do Sở Kế hoạch và

Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp thay đổi lần 5 ngày 26/10/2017

- Tỷ lệ nắm giữ của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh: 20.625%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước; quản lý vận hành kinh doanh hệ thống cấp thoát nước; xây dựng công trình cao, hạ thế đến 35 KV; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, gia công chế tạo cơ khí, công trình giao thông, thủy lợi, công trình phòng chống cháy nổ, công trình đường sông; kinh doanh vật tư, thiết bị ngành điện, cấp thoát nước, xây dựng dân dụng.

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng nhằm phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển Công ty, từng bước đưa Công ty phát triển.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

• Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty đến năm 2020 và những năm tiếp theo.
- Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ nhân sự lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước.
- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.

• Phát triển thương hiệu

- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của công ty
- Quảng bá hình ảnh Công ty qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Nước sạch Bắc Ninh.

• Nâng cao năng lực thi công xây lắp chuyên ngành:

Song song với lĩnh vực sản xuất cấp nước là lĩnh vực chiến lược mũi nhọn, Công ty cũng tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển mở rộng thị phần trong lĩnh vực thiết kế,

thi công các công trình cấp nước, tăng doanh thu trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây dựng công trình.

- **Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn**

Nâng công suất khai thác và sử lý nước cấp tại các Nhà máy cấp nước để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.

- **Tập trung đầu tư phát triển mạng:**

Mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống cấp nước công ty đang quản lý (mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải, phân phối, dịch vụ), phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Bắc Ninh.

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sảng – Xanh – Sạch – Đẹp trên tất các địa bàn mà công ty phục vụ.

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro kinh tế:

Kể từ khi tiến hành đổi mới, mở cửa để hội nhập với thế giới với việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tham gia một loạt các Hiệp định song phương, đa phương thì những biến động của nền kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam.

Tốc độ đô thị hóa ngày một nhanh, trong khi đó cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, dẫn đến công tác phục vụ vệ sinh môi trường luôn luôn chạy theo, biến động liên tục trong những năm tới.

6.2 Rủi ro về lạm phát:

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.

6.3 Rủi ro luật pháp:

Pháp luật và những chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, do đó đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình kịp thời.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán....Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6.4 Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về nguồn nước tự nhiên:

Với nguồn nước khai thác từ tự nhiên, mặc dù lưu lượng nước tương đối ổn định,

tuy nhiên Công ty có thể gặp rủi ro khi các điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Chất lượng nước thay đổi sẽ ảnh hưởng lớn đến quá trình xử lý, sản xuất nước và lưu lượng nước tiêu dùng bị hạn chế. Ngoài ra, môi trường nước có thể bị thay đổi do chịu tác động từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các khu vực sản xuất công nghiệp có thể đưa các chất thải từ nhà máy ra sông với lưu lượng không nhiều nhưng cũng gây ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước, có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm. Đặc biệt là các tàu phà, máy móc hoạt động để khai thác cát, sỏi trên sông, có thể gây rò rỉ xăng, dầu, ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước.

Rủi ro từ công nghệ

Hệ thống cấp thoát nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh nước sạch của Công ty. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi việc rò rỉ nước từ các đường ống nước, gây ra việc thất thoát nước của Công ty. Để giảm thiểu lượng nước bị thất thoát do lỗi kỹ thuật đường ống, hoặc do đường ống bị rò rỉ do sử dụng lâu dài, Công ty tiến hành áp dụng công tác quản lý hệ thống cấp thoát nước tiên tiến.

6.5 Rủi ro khác:

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hoả hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 – 2018

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Từ 1/5 - 31/12/2017	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.040	141.909
Doanh thu thuần	81.040	141.909
Lợi nhuận gộp	16.649	31.400
Lợi nhuận thuần	19.895	30.798
Lợi nhuận khác	35	593
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.930	31.391
Lợi nhuận sau thuế	15.943	25.045

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Bảng số 2: Tình hình thực hiện kinh doanh 2018 so với năm 2017 và kế hoạch

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017 (Từ 1/5/2017 31/12/2017)	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh thực hiện 2018 với	
				KH 2018 (%)	TH 2017(%)(*)
Tổng doanh thu (Tr.đồng)	89.547	124.438	153.909	123,68	-
Lợi nhuận trước thuế (Tr.đồng)	19.930	20.040	31.391	156,64	-
Lợi nhuận sau thuế (Tr.đồng)	15.943	16.700	25.045	149,97	-
Cổ tức (%)	3	3	5	166,67	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 của công ty)

(*) Không so sánh được vì không đồng nhất về mặt thời gian

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách ban điều hành:

Bảng số 1: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Hữu Tân	Tổng Giám đốc
2	Trần Đại Hải	Phó Tổng Giám đốc
3	Lưu Xuân Tâm	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Đình Tôn	Kế toán trưởng

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành

Họ và tên:	Vũ Hữu Tân
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	02/01/1961
Nơi sinh:	Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	Số nhà 211, đường Nguyễn Gia Thiều, phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Số CMTND:	125150430 Cấp ngày 01/06/2018, nơi cấp CA Bắc Ninh
Điện thoại liên hệ:	02223824369
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cấp thoát nước
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:	+ Từ 1984-1988: Cán bộ tại Sở xây dựng Hà Bắc và Ban XDCCB tỉnh Hà Bắc + Từ 1988-1995: Cán bộ xây dựng, Xí nghiệp may Hà Bắc + Từ 1995-2001: Trưởng phòng KH-KT, Công ty cấp thoát nước Hà Bắc và Công ty cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 2001 - 7/2009: Phó giám đốc Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 8/2009 - 09/2015: Giám đốc điều hành Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 10/2015 - T4/2017: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 05/2017 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.704.433 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 7,20 %) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 13.142.279 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 35,00%)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Họ và tên người có liên quan: Nguyễn Thị Bích Liên Mối quan hệ: Vợ Sở hữu cổ phần: 6.200 Cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

Họ và tên:	Trần Đại Hải
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	01/10/1961
Nơi sinh:	Thôn Đoài, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	Số 202 đường Trần Hưng Đạo, Tiên An, thành phố Bắc Ninh
Số CMTND:	125411389 do Công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 17/9/2007
Điện thoại liên hệ:	02223820500
Trình độ văn hóa:	10/10

Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cấp thoát nước
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	+ Từ 8/1985 – 11/1987: Bộ đội, chiến sỹ D8-E540-F327 Lộc Bình, Lạng Sơn + Từ 12/1987 - 4/1989: Cán bộ xí nghiệp xây dựng huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh + Từ 4/1989 - 5/1991: Lao động hợp tác tại Bungaria + Từ 5/1991 - 5/1998: Cán bộ Ban quản lý công trình xây dựng huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh + Từ 6/1998 - 10/2004: Cán bộ kỹ thuật, phụ trách phòng quản lý dự án Công ty cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 11/2004 – 4/2017: Phó giám đốc Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 05/2017 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.300 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,01%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 5.278.000 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 14,06%)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Họ và tên người có liên quan: Trần Công Hưng Mối quan hệ: Con trai Sở hữu cổ phần: 5.000 Cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,01%)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

Họ và tên:	Lưu Xuân Tâm
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	05/10/1970
Nơi sinh:	Xã Bình Dương – huyện Gia Bình – tỉnh Bắc Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	Số 80 đường Lê Quý Đôn – Khu 3 – phường Suối Hoa – TPT Bắc Ninh
Số CMTND:	125588189, cấp ngày 15/12/ 2014 do Công an tỉnh Bắc Ninh cấp
Điện thoại liên hệ:	02223850963

Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 01/1997 – 08/2005: Đội thi công, cán bộ kỹ thuật, phó phòng kế hoạch kỹ thuật, trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ tháng 08/2005 – 08/2007: Phó giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Bắc Ninh + Từ tháng 08/2007 – 04/2017: Phó Giám đốc công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ tháng 05/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.900 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

Họ và tên:	Nguyễn Đình Tôn
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	22/06/1975
Nơi sinh:	Xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	Số nhà 44, phố Ngô Miễn Thiệu, Tiên An, Thành phố Bắc Ninh
Số CMTND:	125029443 cấp ngày 12/12/2013 tại Công an Bắc Ninh
Điện thoại liên hệ:	02223825357
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Kế toán trưởng
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 1/1995 - 12/2002: Kế toán, Phòng kinh doanh

	<p>Công ty lương thực Bắc Ninh.</p> <p>+ Từ tháng 1/2003 – 12/2006: Kế toán, Phòng kế toán Công ty lương thực Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 6/2007 – 12/2008: Nhân viên, phó phòng tài vụ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 1/2009 đến 09/2014: Trưởng phòng tài vụ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 10/2014 đến 4/2017: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 05/2017 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh</p>
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.900 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.2 Những thay đổi ban điều hành:

Không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng số 2: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

STT	Phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính	321	100,00
1	Nam	187	58,3
2	Nữ	134	41,7
II	Phân theo Hợp đồng lao động	321	100,00
1	Hợp đồng mùa vụ (dưới 3 tháng)		
2	Hợp đồng từ 3- 12 tháng		
3	Hợp đồng từ 1- 3 năm	82	25,5
4	Hợp đồng không xác định thời hạn	239	84,5
III	Phân theo trình độ lao động	321	100,00
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	123	38,3
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	94	29,3
3	Công nhân và trình độ phổ thông	104	32,4

STT	Phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
IV	Phân theo Phòng, ban	321	100,00
1.	Ban Lãnh đạo	3	0,93
2.	Ban kiểm soát chuyên trách	2	0,62
3.	Phòng TCHC	11	3,43
4.	Phòng Tài vụ	10	3,12
5.	Phòng KH-KT	7	2,18
6.	Phòng kiểm soát chất lượng nước	9	2,8
7.	Phòng Quản lý mạng	28	8,72
8.	Phòng Quản lý khách hàng	93	28,97
9.	Xưởng cơ điện	12	3,74
10.	Nhà máy cấp nước thành phố Bắc Ninh	19	5,92
11.	Nhà máy nước mặt Bắc Ninh	12	3,74
12.	Xí nghiệp cấp nước thị trấn Phố Mới	20	6,23
13.	Nhà máy cấp nước thị trấn Thứa	17	5,30
14.	Nhà máy cấp nước thị trấn Gia Bình	18	5,61
15.	Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ	17	3,30
16.	Các tổ đội xây lắp	43	13,40

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

- **Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng đối với sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, cụ thể như sau:

- **Chế độ làm việc:**

Theo quy định của Chính phủ thời gian làm việc 40 giờ/tuần, người lao động phải làm việc theo đúng thời gian quy định. Cụ thể dưới đây:

- Khối hành chính, văn phòng: 40 giờ/tuần.
- Các Nhà máy, Xí nghiệp cấp nước: Đảm bảo cấp nước 24/24 giờ. Tùy theo tình hình SXKD mà thỏa thuận với người lao động về thời giờ làm việc.

- Đơn vị làm công tác khoán: Xây lắp, Quản lý mạng, Quản lý khách hàng, căn cứ theo tiêu chuẩn định mức của Công ty cho từng bộ phận để thực hiện trong hoặc ngoài giờ hành chính của Công ty.

Điều kiện làm việc tốt, an toàn môi trường được đảm bảo. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hộ lao động, hưởng trợ cấp độc hại, chế độ bồi dưỡng ăn ca, làm thêm giờ.... Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- **Chính sách đào tạo, tuyển dụng:**

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc và năng suất công việc cho người lao động. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm, quan tâm đến người lao động trong các ngày lễ tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Không có

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh hiện có 01 Công ty liên kết và 01 Công ty liên doanh (thành lập 5/12/2018)

Công ty liên kết	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh Hoạt động kinh doanh: Đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước....
Công ty liên doanh:	Công ty TNHH Đầu tư Cấp nước Bắc Ninh Hoạt động kinh doanh: Đầu tư, xây dựng, sản xuất và kinh doanh nước...

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

Bảng số 3: Tình hình tài chính của Công ty

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Từ 1/5 - 31/12/2017	31/12/2018
Tổng giá trị tài sản	584.489	622.148
Doanh thu thuần	81.040	141.909
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.895	30.798
Lợi nhuận khác	35	593
Lợi nhuận trước thuế	19.930	31.391
Lợi nhuận sau thuế	15.943	25.045
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	3%	5%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 4: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,15	2,45

Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	2,99	2,30
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,33	0,35
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,49	0,53
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	Vòng	4,92	8,02
Doanh thu thuần/Tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản BQ	Lần	0,14	0,24
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	19,67	17,65
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,07	6,17
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,73	4,03
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	24,55	21,70

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 37.549.391 cổ phiếu. Trong đó

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 20.257.744 cổ phiếu (chiếm 53,95%)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 17.291.647 cổ phiếu (chiếm 46,05%)

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	325	37.549.391	100,00
1	UBND tỉnh Bắc Ninh	01	18.420.279	49,06
2	Cá nhân + tổ chức	311	19.129.112	50,94
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00
1	Tổ chức	0	0	0,00
2	Cá nhân	0	0	0,00
	Tổng cộng	325	37.549.391	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

Bảng số 6: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) trên VDL thực góp
1	UBND tỉnh Bắc Ninh		11A Lý Thái Tổ, Huyện Suối Hoa, Việt Nam	18.420.279	49,06
2	Công ty Long Phương (TNHH)	2300224741, cấp ngày 09/04/2002 tại Phòng ĐKKD tỉnh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Hạp Lĩnh, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	13.165.245	35,06
3	Vũ Hữu Tân	125150430, cấp ngày 26/07/2001 tại CA.Bắc Ninh	Số 211, đường Nguyễn Gia Thiều, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	2.704.433	7,20
Tổng cộng				34.289.957	91,32

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

- 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.
- 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- 5.5 Các chứng khoán khác: Không.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
- 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:
- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm: Không
- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không
- 6.2 Tiêu thụ năng lượng:
- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không
- 6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.
- 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:**
- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- Số lượng lao động: 320 người.
 - Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 7: Mức lương trung bình đối với người lao động

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	+/-% 2018 so với 2017
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8,5	9,0	1,05

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

- b. **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

- c. **Hoạt động đào tạo người lao động**

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 8: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/05/2017 - 31/12/2017	31/12/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng)	81.040	141.909
Các khoản giảm trừ (triệu đồng)	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng)	81.040	141.909
Giá vốn hàng bán (triệu đồng)	64.390	110.509
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng)	16.649	31.400
Doanh thu hoạt động tài chính (triệu đồng)	8.468	10.981
Chi phí tài chính (triệu đồng)	1.468	3.379
Chi phí bán hàng (triệu đồng)	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp (triệu đồng)	3.754	8.204
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	19.895	30.798
Thu nhập khác (triệu đồng)	39	1.019
Chi phí khác (triệu đồng)	4	425
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	35	593
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (triệu đồng)	19.930	31.391
Chi phí thuế TNDN hiện hành (triệu đồng)	3.987	6.347
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (triệu đồng)	15.943	25.045
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	424	663

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản:

Bảng số 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN	Năm 2017	Năm 2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	256.452	236.741
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	12.997	30.206
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	155.000	150.000

III. Các khoản phải thu ngắn hạn	71.114	36.231
IV. Hàng tồn kho	13.090	14.452
V. Tài sản ngắn hạn khác	4.251	5.853
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	328.037	385.407
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II. Tài sản cố định	268.192	343.417
1. TSCĐ hữu hình	264.177	337.882
2. TSCĐ vô hình	4.015	5.536
III. Tài sản dở dang dài hạn	56.161	36.712
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	2.506	4.506
V. Tài sản dài hạn khác	1.179	771
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	584.489	622.148

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty CP Nước sạch Bắc Ninh)

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 10: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2017 – 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	192.537	215.933
I. Nợ ngắn hạn	81.511	96.573
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	15.353	19.201
2. Người mua trả tiền trước	276	135
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	8.410	11.862
4. Phải trả người lao động	542	4.216
5. Chi phí phải trả	739	1.008
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	583	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	26.969	7.972
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	28.639	52.180
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
II. Nợ dài hạn	111.026	119.359
1. Phải trả người bán dài hạn	61.438	72.778
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	49.588	46.581
Tổng cộng	192.537	215.933

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty CP Nước sạch Bắc Ninh)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên giám sát hoạt động tài chính cũng như công tác quản lý của công ty.

Công tác về công bố thông tin theo áp dụng đối với Công ty đại chúng được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm chỉnh và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

• Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty đến năm 2020 và những năm tiếp theo.
- Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ nhân sự lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước.
- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.

• Phát triển thương hiệu

- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của công ty
- Quảng bá hình ảnh Công ty qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Nước sạch Bắc Ninh.

• Nâng cao năng lực thi công xây lắp chuyên ngành:

Song song với lĩnh vực sản xuất cấp nước là lĩnh vực chiến lược mũi nhọn, Công ty cũng tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển mở rộng thị phần trong lĩnh vực thiết kế, thi công các công trình cấp nước, tăng doanh thu trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây dựng công trình.

- **Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn**

Nâng công suất khai thác và sử lý nước cấp tại các Nhà máy cấp nước để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.

- **Tập trung đầu tư phát triển mạng:**

Mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống cấp nước công ty đang quản lý (mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải, phân phối, dịch vụ), phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Bắc Ninh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong các lĩnh vực như: vận chuyển, xây dựng công trình, phá dỡ, lắp đặt hệ thống lò sưởi, điện,..., góp một phần không nhỏ vào sự xanh – sạch – đẹp trên địa bàn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Người lao động tại Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại, được đóng các loại bảo hiểm đầy đủ. Hàng năm, Công ty vẫn trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, tham gia ủng hộ biển đảo quê hương,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2018, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh giao cho. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, thu nhập người lao động ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích người lao động, nhà nước và các cổ đông.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng đặt hàng, xây dựng hồ sơ đấu thầu cung cấp các dịch vụ nước sạch. Do đó công tác điều hành sản xuất kinh doanh luôn chủ động, tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

2.1 Những việc đã làm được:

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.
- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

2.2 Những hạn chế cần khắc phục:

Ban lãnh đạo Công ty cần tiếp tục nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành môi trường đô thị, trong năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh khả thi và đặt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận cụ thể, chi tiết cho từng phòng, ban và bộ phận theo từng tháng, quý, 6 tháng và năm, đồng thời đề ra các biện pháp thực hiện Kế hoạch tối ưu và linh hoạt.
- Tuyển dụng và kiện toàn đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tập trung vào các chuyên gia kỹ thuật, chuyên gia marketing
- **Đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu lực bộ máy tại Công ty**
 - Tiếp tục đổi mới và sắp xếp lại các phòng ban chức năng, đồng thời kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ ràng, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ.
 - Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức các cán bộ quản lý về các thủ tục hành chính, tổ chức hệ thống luân chuyển hồ sơ, cập nhật và chuyển tải thông tin trong bộ máy điều hành để đảm bảo xử lý chính xác, kịp thời các tình huống trong sản xuất và chấp hành đúng các chỉ thị, mệnh lệnh của lãnh đạo.
- **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới, công nghệ mới**
 - Nghiên cứu, triển khai và hoàn thiện ứng dụng các công nghệ mới.
 - Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển.
 - Xây dựng mạng nội bộ từng phòng ban (mạng LAN); áp dụng thống nhất cùng 1 phần mềm quản lý.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 11: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch HĐQT Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty Long Phương (TNHH): 13.165.245 cổ phần (chiếm 35,06 vốn điều lệ)
2	Vũ Hữu Tân	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.709.533 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 7,20) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 13.142.279 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 35,00)
3	Trần Đại Hải	Thành viên HĐQT	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.300 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,01) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 5.278.000 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 14,06)
4	Vũ Thị Chuyên	Thành viên HĐQT Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
5	Ngô Minh Châu	Thành viên độc lập HĐQT	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc. Chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng như:

- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng;
- Xây dựng dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty theo quy định của pháp luật để trình ĐHCĐ thường niên 2018.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về

quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 12: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Thị Hương	Trưởng Ban kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.200 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,07) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
2	Nguyễn Thị Mai Lan	Thành viên Ban kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
3	Nguyễn Bá An	Thành viên Ban kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 13: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

STT	Nội dung	Từ 01/5 - 31/12/2017	Năm 2018
-----	----------	----------------------	----------

1	Tổng Giám đốc	214.097.216	354.320.768
2	Thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	364.966.200	696.543.855
	Tổng cộng	579.063.416	1.050.864.623

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 của Công ty)

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Ngày bắt đầu – kết thúc giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu trước GD	Số cổ phiếu sở hữu sau GD	Tỷ lệ	Lý do tăng, giảm
1							

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tài chính của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

Như được trình bày tại Thuyết minh 16 (a) của báo cáo tài chính, Công ty đã nhận tạm bàn giao công trình Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh vào ngày 29 tháng 6 năm 2017 để tiến hành quản lý vận hành theo văn bản số 1826/UBND-XDCB ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày của báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định bàn giao chính thức cũng như quyết định về việc thu phí hàng năm từ Ủy ban nhân dân và Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh liên quan đến công trình này. Do đó, Công ty đang hạch toán giao dịch nhận tạm bàn giao này tương tự như một giao dịch thuê hoạt động, và ghi nhận tiền thuê vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp và phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị khấu hao của công trình này trong năm dựa trên ước tính của Ban giám đốc Công ty về thời gian hữu dụng ước tính của Công trình.

Như được trình bày tại Thuyết minh 31 của báo cáo tài chính, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 đã được điều chỉnh lại theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 7 tháng 6 năm 2018 (“Quyết định 292”) về việc phê duyệt quyết toán và công bố số liệu

